Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **107368013762** Số tờ khai đầu tiên / 107368013762
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 4 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai HQHUUNGHI Mã bộ phận xử lý tờ khai 00
Ngày đăng ký 21/07/2025 09:33:07 Ngày thay đổi đăng ký 21/07/2025 19:09:52 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

Người nhập khẩu
Mã 0110978313
Tên CôNG TY TNHH THươNG MạI Và XUẤT NHậP KHẩU VICLOG
Mã bưu chính +84
Địa chỉ Nhà 6B,Tầng 6(sàn văn phòng),tòa nhà hỗn hợp Sông Đà,số 131 đường Trần Phú,P.Hà Đông,TPHà Nội,VN
Số điên thoai 0949551246
Người ủy thác nhập khẩu
Mã
Tên

Người xuất khẩu
Mã
Tên GUANGXI PINGXIANG SHENGXING IMP. & EXP. TRADE CO.,LTD
Mã bưu chính
Địa chỉ NO.2, XIANGHE WEST STREET PINGXIANG CITY
GUANGXI CHINA
Mã nước CN
Người ủy thác xuất khẩu

Đại lý Hải quan Mã nhân viên Hải quan

Số vận đơn
1 112500035211475
2
3
4
5
Số lượng CT
Tổng trọng lượng hàng (Gross) KGM
Số lượng container

Địa điểm lưu kho 15BBC01 CTY XUAN CUONG
Địa điểm dỡ hàng VNHUGT CUA KHAU HUU NGHI (LANG SON)
Địa điểm xếp hàng CNPIN PINGXIANG
Phương tiện vận chuyển XE TAI/FB3158 MOOC AU316
Ngày hàng đến 21/07/2025
Ký hiệu và số hiệu
Ngày được phép nhập kho đầu tiên
Mã văn bản pháp quy khác MO

Số hóa đơn A - VICLOG-170725
Số tiếp nhận hóa đơn điện tử
Ngày phát hành 17/07/2025
Phương thức thanh toán KC
Tổng trị giá hóa đơn A - DAF - USD -
Tổng trị giá tính thuế
Tổng hệ số phân bổ trị giá -
Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu
1 - 2 - 3 -
4 - 5 -
Mã phân loại khai trị giá 6
Khai trị giá tổng hợp - - -
Các khoản điều chỉnh
Phí vận chuyển - -
Phí bảo hiểm - - -

	Mã tên	Mã phân loại	Trị giá khoản điều chỉnh	Tổng hệ số phân bổ
1	-	-	-	
2	-	-	-	
3	-	-	-	
4	-	-	-	
5	-	-	-	

Chi tiết khai trị giá
Phương thức thanh toán:T/T,M5,không hoạt động bằng điện,dùng để khoan lỗ trên cửa gỗ để lắp khóa,M7,không hoạt động bằng điện,M22,dùng để che đậy bảo vệ ốc và tăng tính thẩm mỹ,M40,41: loại in nhiệt, không chứa mật mã dân sự. dùng trong cửa hàng

		Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế		Số dòng tổng
1	N	Thuế NK	VND	7	
2	V	Thuế GTGT	VND	50	
3	G	Thuế CBPG	VND	2	
4			VND		
5			VND		
6			VND		

Tổng tiền thuế phải nộp VND
Số tiền bảo lãnh VND
Tỷ giá tính thuế USD - 25.970
-
-
Mã xác định thời hạn nộp thuế D Người nộp thuế 1
Mã lý do đề nghị BP Phân loại nộp thuế A
Tổng số trang của tờ khai 52 Tổng số dòng hàng của tờ khai 50

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **107368013762** Số tờ khai đầu tiên /
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 4 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai HQHUUNGHI Mã bộ phận xử lý tờ khai 00
Ngày đăng ký 21/07/2025 09:33:07 Ngày thay đổi đăng ký 21/07/2025 19:09:52 Thời hạn tái nhập/ tái xuất
Số đính kèm khai báo điện tử 1 - 2 - -
Phần ghi chú Có CO formE số E25MAC80MYU80635 ngày 19.07.2025

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp Số quản lý người sử dụng 00049
Phân loại chỉ thị của Hải quan

	Ngày	Tên	Nội dung
1	/ /		
2	/ /		
3	/ /		
4	/ /		
5	/ /		
6	/ /		
7	/ /		
8	/ /		
9	/ /		
10	/ /		

Mục thông báo của Hải quan
Tên trưởng đơn vị Hải quan Trường Hải quan cửa khẩu quốc tế Hữu N
Ngày cấp phép 21/07/2025 21:29:38
Ngày hoàn thành kiểm tra 21/07/2025 19:25:30
Phân loại thẩm tra sau thông quan
Ngày phê duyệt BP / /
Ngày hoàn thành kiểm tra BP / /
Số ngày mong đợi đến khi cấp phép nhập khẩu
Tổng số tiền thuế chậm nộp

Dành cho VAT hàng hóa đặc biệt

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)

		Địa điểm	Ngày đến		Ngày khởi hành
Thông tin trung chuyển	1		/ /	~	/ /
	2		/ /	~	/ /
	3		/ /	~	/ /
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế			/ /		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQHUUNGHI		Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<01>

Mã số hàng hóa 96151900 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Phụ kiện cho thú cưng: Lược chải lông cho thú cưng, nhãn hiệu: YU, chất liệu bằng thép không gỉ ,kt (18.7*4.3)cm, dùng trong gia đình. Mới 100%

Số lượng (1) 1.400 PCE

Số của mục khai khoản điều chỉnh

Số lượng (2) 85 KGM

Trị giá hóa đơn 140

Đơn giá hóa đơn 0,1 USD PCE

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S) 3.635.800 VND

Trị giá tính thuế(M) -

Số lượng tính thuế

Đơn giá tính thuế 2.597 - VND - PCE

Thuế suất C 0% -

Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuế VND

Nước xuất xứ CN - CHINA - B05

Số tiền miễn giảm VND

Mã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu -

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB901
	Trị giá tính thuế	3.635.800	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	363.580	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **107368013762** Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 4 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 3926

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai HQHUUNGHI Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

Ngày đăng ký 21/07/2025 09:33:07 Ngày thay đổi đăng ký 21/07/2025 19:09:52 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<02>

Mã số hàng hóa 82130000 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Phụ kiện cho thú cưng:kéo cắt tia lông cho thú cưng, nhãn hiệu: YU, chất liệu bằng thép không gỉ ,kích thước dài 19 cm, dùng trong gia đình. 1PCE=41g Mới 100%

Số lượng (1) 1.000 PCE

Số của mục khai khoản điều chỉnh Số lượng (2) 1.000 PCE

Trị giá hóa đơn 100 Đơn giá hóa đơn 0,1 USD PCE

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S) 2.597.000 VND Trị giá tính thuế(M) -

Số lượng tính thuế Đơn giá tính thuế 2.597 - VND - PCE

Thuế suất C 0% - Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuế VND Nước xuất xứ CN - CHINA - B05

Số tiền miễn giảm VND Mã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu -

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	2.597.000	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	259.700	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQHUUNGHI		Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<03>

Mã số hàng hóa	39261000	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]
Mô tả hàng hóa	Kệ nhựa để bàn, ký hiệu: A-0711-8,chất liệu bằng nhựa PP, dùng để đựng tài liệu trong văn phòng, kích thước (25*33*17-29)cm+-10%,mới 100%.NSX:Jinhua Zhiyi Plastic Products Co., Ltd.		

				Số lượng (1)	60 PCE
Số của mục khai khoản điều chỉnh				Số lượng (2)	61 KGM
Trị giá hóa đơn	79,2			Đơn giá hóa đơn	1,32 USD PCE
Thuế nhập khẩu					
Trị giá tính thuế(S)	2.056.824	VND		Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế				Đơn giá tính thuế	34.280,4 - VND - PCE
Thuế suất	C 0% -			Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế		VND		Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm		VND		Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	–				
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu					

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB245
	Trị giá tính thuế	2.056.824	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	164.545,92	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQHUUNGHI		Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<04>

Mã số hàng hóa	64041990	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]
Mô tả hàng hóa	Giày nam, nhãn hiệu: Yin Seas, ký hiệu: Fashion Sport, mã G03, mũ giày bằng vật liệu dệt, đế ngoài bằng nhựa PVC, size 39-44. NSX: Ruian Rufeng Shoes Factory. Mới 100%.		

		Số lượng (1)	360 PR
Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (2)	360 PR
Trị giá hóa đơn	900	Đơn giá hóa đơn	2,5 USD PR
Thuế nhập khẩu			
Trị giá tính thuế(S)	23.373.000 VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	64.925 - VND - PR
Thuế suất	C 0% -	Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB245
	Trị giá tính thuế	23.373.000	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	1.869.840	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]
Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926		
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	HQHUUNGHI	Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52
Thời hạn tái nhập/ tái xuất			

<05>

Mã số hàng hóa 82075000 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Bộ dụng cụ khoan lỗ cửa gỗ, ký hiệu: T-0713-5, nhãn hiệu:STAREX TOOLS,loạicầm tay,1 bộ gồm 5 chi tiết:mũi khoan,khung thép,thước,tayquay,vít và bu lông,chất liệuthép không gỉ,kt hộp:50x20x12cm,mới100%

Số lượng (1) 20 SET

Số của mục khai khoản điều chỉnh

Số lượng (2) 20 PCE

Trị giá hóa đơn 547,4

Đơn giá hóa đơn 27,37 USD SET

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S) 14.215.978 VND

Trị giá tính thuế(M) -

Số lượng tính thuế

Đơn giá tính thuế 710.798,9 - VND - SET

Thuế suất C 0% -

Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuế VND

Nước xuất xứ CN - CHINA - B05

Số tiền miễn giảm VND

Mã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu -

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	14.215.978	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	1.421.597,8	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **107368013762** Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 4 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 3926

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai HQHUUNGHI Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

Ngày đăng ký 21/07/2025 09:33:07 Ngày thay đổi đăng ký 21/07/2025 19:09:52 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<06>

Mã số hàng hóa 73269099 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Giá đỡ điện thoại, mã: K72, ký hiệu: A-0714-5, loại để bàn, chất liệu: thép carbon steel plate+ silicone, kích thước 80mm*125mm*60mm, NSX: Shenzhen Changxiang Broadcom Technology Co., Ltd. mới 100%

Số lượng (1) 500 PCE

Số của mục khai khoản điều chỉnh

Số lượng (2) 51 KGM

Trị giá hóa đơn 75

Đơn giá hóa đơn 0,15 USD PCE

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S) 1.947.750 VND

Trị giá tính thuế(M) -

Số lượng tính thuế

Đơn giá tính thuế 3.895,5 - VND - PCE

Thuế suất C 0% -

Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuế VND

Nước xuất xứ CN - CHINA - B05

Số tiền miễn giảm VND

Mã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu –

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	1.947.750	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	194.775	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **107368013762** Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 4 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 3926

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai HQHUUNGHI Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

Ngày đăng ký 21/07/2025 09:33:07 Ngày thay đổi đăng ký 21/07/2025 19:09:52 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<07>

Mã số hàng hóa 96200030 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Chân giá đỡ máy thủy bình, loại 3 chân, ký hiệu: A-0714-5A, chất liệu thép inox, kt gấp gọn 45cm*10cm, kéo dài cao 1.2m, dùng để giữ cố định máy thủy bình trong đo đạc trắc địa, không hiệu.Mới100%

Số lượng (1) 150 PCE

Số của mục khai khoản điều chỉnh Số lượng (2) 150 PCE

Trị giá hóa đơn 420 Đơn giá hóa đơn 2,8 USD PCE

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S) 10.907.400 VND Trị giá tính thuế(M) -

Số lượng tính thuế Đơn giá tính thuế 72.716 - VND - PCE

Thuế suất C 0% - Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuế VND Nước xuất xứ CN - CHINA - B05

Số tiền miễn giảm VND Mã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu -

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB901
	Trị giá tính thuế	10.907.400	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	1.090.740	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **107368013762** Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 4 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 3926

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai HQHUUNGHI Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

Ngày đăng ký 21/07/2025 09:33:07 Ngày thay đổi đăng ký 21/07/2025 19:09:52 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<08>

Mã số hàng hóa 83022010 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Phụ kiện cổng xếp: Bánh xe đẩy đầu cổng ra vào, ký hiệu: A-0714-4A, chất liệu: cao su và gang, KT: đường kính 120mm, dày: 2cm; không hiệu, NSX:Tingyuan Plastic Industry Co., Ltd. mới 100%

Số lượng (1) 400 PCE

Số của mục khai khoản điều chỉnh Số lượng (2) 400 PCE

Trị giá hóa đơn 728 Đơn giá hóa đơn 1,82 USD PCE

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S) 18.906.160 VND Trị giá tính thuế(M) -

Số lượng tính thuế Đơn giá tính thuế 47.265,4 - VND - PCE

Thuế suất C 0% - Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuế VND Nước xuất xứ CN - CHINA - B05

Số tiền miễn giảm VND Mã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu -

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	18.906.160	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	1.890.616	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQHUUNGHI		Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<09>

Mã số hàng hóa	82141000	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]
Mô tả hàng hóa	Dao rọc giấy đa năng 6in1,ký hiệu:A-0714-5B,c/liệu bằng thép không gỉ,KT: (15*2.5*0.3)cm,dùng để rọc giấy,làm thước đo,mở nắp lon hoặc vặn ốc vít,dùng trong gia đình,không hiệu.1PCE=156gMới100%		

				Số lượng (1)	800 PCE
Số của mục khai khoản điều chỉnh				Số lượng (2)	800 PCE
Trị giá hóa đơn	187,2			Đơn giá hóa đơn	0,234 USD PCE
Thuế nhập khẩu					
Trị giá tính thuế(S)	4.861.584	VND		Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế				Đơn giá tính thuế	6.076,98 - VND - PCE
Thuế suất	C	0% -		Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế		VND		Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm		VND		Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	–				
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu					

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB901
	Trị giá tính thuế	4.861.584	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	486.158,4	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQHUUNGHI		Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<10>

Mã số hàng hóa 82141000 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Bộ lưỡi dao rọc giấy, ký hiệu: A-0714-5B, 1 bộ gồm 10 chiếc, 1 bộ=16,6g, chất liệu thép không gỉ, kích thước (11*2*0.5)cm, dùng trong gia đình, không hiệu, mới 100%

				Số lượng (1)	600 SET
Số của mục khai khoản điều chỉnh				Số lượng (2)	6.000 PCE
Trị giá hóa đơn		15		Đơn giá hóa đơn	0,025 USD SET
Thuế nhập khẩu					
Trị giá tính thuế(S)		389.550	VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế				Đơn giá tính thuế	649,25 - VND - SET
Thuế suất	C	0% -		Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế			VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm			VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Danh mục miễn thuế nhập khẩu		–			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu					

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB901
	Trị giá tính thuế	389.550	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	38.955	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	**107368013762**	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQHUUNGHI		Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<11>

Mã số hàng hóa 76169990 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Giá đỡ điện thoại,model:L06mini,ký hiệu:A-0714-5C,loại để bàn,c/liệu hợp kim nhôm+ silicon(nhôm là chính),kt:(100*165*65)mm+-10%,không hiệu, NSX: Shenzhen Juan Electronic Technology Co., Ltd. Mới 100%

Số lượng (1) 50 PCE

Số của mục khai khoản điều chỉnh

Số lượng (2) 15 KGM

Trị giá hóa đơn 30

Đơn giá hóa đơn 0,6 USD PCE

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S) 779.100 VND

Trị giá tính thuế(M) -

Số lượng tính thuế

Đơn giá tính thuế 15.582 - VND - PCE

Thuế suất C 0% -

Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuế VND

Nước xuất xứ CN - CHINA - B05

Số tiền miễn giảm VND

Mã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu -

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB901
	Trị giá tính thuế	779.100	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	77.910	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQHUUNGHI		Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<12>

Mã số hàng hóa 76169990 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Giá đỡ điện thoại,model:L06X,ký hiệu:A-0714-5C,c/liệu:hợp kim nhôm+silicone+đế kim loại (nhôm là chính),,dùng cho điện thoại,máy tính bảng,kt:128*223*75mm, chức năng: xoay 360 độ+gấp gọn, mới 100%

		Số lượng (1)	100 PCE
Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (2)	50 KGM
Trị giá hóa đơn	100	Đơn giá hóa đơn	1 USD PCE
Thuế nhập khẩu			
Trị giá tính thuế(S)	2.597.000 VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	25.970 - VND - PCE
Thuế suất	C 0% -	Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	2.597.000	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	259.700	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQHUUNGHI		Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<13>

Mã số hàng hóa	73269099	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]
Mô tả hàng hóa	Giá đỡ laptop,ký hiệu:T-0714-20,mã:LS523, chất liệu : thép cacbon, kích thước đáy: 197*210mm, kích thước mặt: 220*260mm, loại để bàn, nsx : Dongguan Nordic Intelligent Technology Co., Ltd. mới 100%		

		Số lượng (1)	200 PCE
Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (2)	191 KGM
Trị giá hóa đơn	280	Đơn giá hóa đơn	1,4 USD PCE
Thuế nhập khẩu			
Trị giá tính thuế(S)	7.271.600 VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	36.358 - VND - PCE
Thuế suất	C 0% -	Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	7.271.600	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	727.160	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQHUUNGHI		Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<14>

Mã số hàng hóa	76169990	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]
Mô tả hàng hóa	Giá đỡ laptop N3 cao cấp, ký hiệu: T-0714-2A, loại để bàn, chất liệu hợp kim nhôm + silicone (nhôm là chính), kích thước: 23.4*16.2*19.8cm, không hiệu, NSX: Shenzhen Insno Technology Co., Ltd,mới 100%		

		Số lượng (1)	70 PCE
Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (2)	23 KGM
Trị giá hóa đơn	49	Đơn giá hóa đơn	0,7 USD PCE
Thuế nhập khẩu			
Trị giá tính thuế(S)	1.272.530 VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	18.179 - VND - PCE
Thuế suất	C 0% -	Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	1.272.530	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	127.253	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQHUUNGHI		Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<15>

Mã số hàng hóa	42022220	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]
Mô tả hàng hóa	Túi đựng thảm tập thể dục, yoga,ký hiệu: A-0714-2A,túi xách tay,có quai đeo,chất liệu mặt ngoài bằng vải dệt oxford phủ PVC chống thấm nước, kích thước (75x15)cm+/-10%. không hiệu.1pce=60g.Mới 100%		

		Số lượng (1)	200 PCE
Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (2)	200 PCE
Trị giá hóa đơn	20	Đơn giá hóa đơn	0,1 USD PCE
Thuế nhập khẩu			
Trị giá tính thuế(S)	519.400 VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	2.597 - VND - PCE
Thuế suất	C 0% -	Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB245
	Trị giá tính thuế	519.400	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	41.552	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **107368013762** Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 4 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 3926

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai HQHUUNGHI Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

Ngày đăng ký 21/07/2025 09:33:07 Ngày thay đổi đăng ký 21/07/2025 19:09:52 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<16>

Mã số hàng hóa 39249010 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Chậu đi vệ sinh, ký hiệu: A-0714-10, bô để phòng ngủ, dùng trong gia đình, bằng nhựa PP, KT: (36.5x39.5)cm (+/-10%), NSX: DONGGUAN WANLIHUA TRADE CO., LTD. Mới 100%1pce=180g

Số của mục khai khoản điều chỉnh

Trị giá hóa đơn 240

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S) 6.232.800 VND

Số lượng tính thuế

Thuế suất C 0% -

Số tiền thuế VND

Số tiền miễn giảm VND

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu -

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Số lượng (1) 800 PCE

Số lượng (2) 800 PCE

Đơn giá hóa đơn 0,3 USD PCE

Trị giá tính thuế(M) -

Đơn giá tính thuế 7.791 - VND - PCE

Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Nước xuất xứ CN - CHINA - B05

Mã ngoài hạn ngạch

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB245
	Trị giá tính thuế	6.232.800	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	498.624	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	HQHUUNGHI			Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<17>

Mã số hàng hóa	62043300	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]
Mô tả hàng hóa	Áo blazer dành cho nữ, ký hiệu: A-0714-14, mặt ngoài dệt kim từ sợi tổng hợp, không nhãn hiệu, size S, M, L. NSX: Zhejiang Juyitang Clothing Co.,ltd, Mới 100%		

		Số lượng (1)	230 PCE
Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (2)	65 KGM
Trị giá hóa đơn	690	Đơn giá hóa đơn	3 USD PCE
Thuế nhập khẩu			
Trị giá tính thuế(S)	17.919.300 VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	77.910 - VND - PCE
Thuế suất	C 0% -	Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB245
	Trị giá tính thuế	17.919.300	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	1.433.544	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQHUUNGHI		Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<18>

Mã số hàng hóa	62089990	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]
Mô tả hàng hóa	Áo ba lỗ dành cho nữ, ký hiệu: A-0714-14, mặt ngoài dệt kim từ sợi tổng hợp, không nhãn hiệu. Size S, M, L. NSX: Zhejiang Juyitang Clothing Co.,ltd, Mới 100%		

		Số lượng (1)	341 PCE
Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (2)	58 KGM
Trị giá hóa đơn	170,5	Đơn giá hóa đơn	0,5 USD PCE
Thuế nhập khẩu			
Trị giá tính thuế(S)	4.427.885 VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	12.985 - VND - PCE
Thuế suất	C 0% -	Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB245
	Trị giá tính thuế	4.427.885	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	354.230,8	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	HQHUUNGHI			Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<19>

Mã số hàng hóa	61099030	Mã quản lý riêng		Mã phân loại tái xác nhận giá	[ ]
Mô tả hàng hóa	Áo phông nữ, ký hiệu: A-0714-14, không hình vẽ, dệt kim, chất liệu:60% viscose + 40% nylon, dùng cho nữ, Size S, M, L. NSX: Zhejiang Juyitang Clothing Co.,ltd, không hiệu, mới 100%				

				Số lượng (1)	1.900 PCE
Số của mục khai khoản điều chỉnh				Số lượng (2)	426 KGM
Trị giá hóa đơn	2.850			Đơn giá hóa đơn	1,5 USD PCE
Thuế nhập khẩu					
Trị giá tính thuế(S)	74.014.500	VND		Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế				Đơn giá tính thuế	38.955 - VND - PCE
Thuế suất	C 0% -			Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế		VND		Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm		VND		Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	–				
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu					

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB245
	Trị giá tính thuế	74.014.500	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	5.921.160	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQHUUNGHI		Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<20>

Mã số hàng hóa	39233090	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]
Mô tả hàng hóa	Chai nhựa, mã: CCK-NG50T, dung tích 50ml, kèm nắp nhựa dạng nhấn, dùng trong đóng gói và vận chuyển mỹ phẩm,NSX:Dongyang Tongsheng Packaging Co.. Ltd. mới 100%.		

				Số lượng (1)	5.000 PCE
Số của mục khai khoản điều chỉnh				Số lượng (2)	165 KGM
Trị giá hóa đơn	325			Đơn giá hóa đơn	0,065 USD PCE
Thuế nhập khẩu					
Trị giá tính thuế(S)	8.440.250	VND		Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế				Đơn giá tính thuế	1.688,05 - VND - PCE
Thuế suất	C 0% -			Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế		VND		Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm		VND		Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	–				
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu					

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB245
	Trị giá tính thuế	8.440.250	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	675.220	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **107368013762** Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 4 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 3926

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai HQHUUNGHI Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

Ngày đăng ký 21/07/2025 09:33:07 Ngày thay đổi đăng ký 21/07/2025 19:09:52 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<21>

Mã số hàng hóa 61178090 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Đai cố định vai và lưng tập thể dục (đai chống gù), không dùng điện, kí hiệu: A-0714-5D, mã: DAIGU05,chất liệu:15%Polyester70%Neoprene15%Nylon,kt:size XS S M XL.NSX:YuyuFitnessEquipmentCompany.Mới100%

Số lượng (1) 500 PCE

Số của mục khai khoản điều chỉnh Số lượng (2) 96 KGM

Trị giá hóa đơn 150 Đơn giá hóa đơn 0,3 USD PCE

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S) 3.895.500 VND Trị giá tính thuế(M) -

Số lượng tính thuế Đơn giá tính thuế 7.791 - VND - PCE

Thuế suất C 0% - Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuế VND Nước xuất xứ CN - CHINA - B05

Số tiền miễn giảm VND Mã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu -

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB245
	Trị giá tính thuế	3.895.500	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	311.640	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **107368013762** Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 4 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 3926

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai HQHUUNGHI Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

Ngày đăng ký 21/07/2025 09:33:07 Ngày thay đổi đăng ký 21/07/2025 19:09:52 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<22>

Mã số hàng hóa 73182990 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Bộ nắp chụp ốc inox, ký hiệu:A-0715-5, không có ren,1 bộ gồm 2 chi tiết nắp chụp, chất liệu: inox,đ/kínhtrong:28-38*21-23*18-19mm,dùngchoốc vít cóđkinhngoài của thân28-38*21-23*18-19mm,mới100%

Số lượng (1) 8.000 SET

Số của mục khai khoản điều chỉnh Số lượng (2) 124 KGM

Trị giá hóa đơn 1.040 Đơn giá hóa đơn 0,13 USD SET

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S) 27.008.800 VND Trị giá tính thuế(M) -

Số lượng tính thuế Đơn giá tính thuế 3.376,1 - VND - SET

Thuế suất C 0% - Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuế VND Nước xuất xứ CN - CHINA - B05

Số tiền miễn giảm VND Mã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu -

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	27.008.800	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	2.700.880	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **107368013762** Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 4 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 3926

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai HQHUUNGHI Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

Ngày đăng ký 21/07/2025 09:33:07 Ngày thay đổi đăng ký 21/07/2025 19:09:52 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<23>

Mã số hàng hóa 84145941 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Quạt thông gió(D300- 220v/60Hz),nhãn hiệu Fanewell,model:CTF-30,ĐA:220V/60Hz,CS:550W,đ/Kính:300mm,chất liệu thépvànhôm.loại quạt hút gió công nghiệp,có lưới bảovệ,dùng trong nhà xưởng,NSX:2025,mới100%

Số lượng (1) 10 PCE

Số của mục khai khoản điều chỉnh Số lượng (2) 10 PCE

Trị giá hóa đơn 400 Đơn giá hóa đơn 40 USD PCE

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S) 10.388.000 VND Trị giá tính thuế(M) -

Số lượng tính thuế Đơn giá tính thuế 1.038.800 - VND - PCE

Thuế suất C 10% - Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuế 1.038.800 VND Nước xuất xứ CN - CHINA - B05

Số tiền miễn giảm VND Mã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu -

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	11.426.800	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	1.142.680	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **107368013762** Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 4 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 3926

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai HQHUUNGHI Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

Ngày đăng ký 21/07/2025 09:33:07 Ngày thay đổi đăng ký 21/07/2025 19:09:52 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<24>

Mã số hàng hóa 84145941 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Quạt thông gió(D200,D400- 220v/60Hz),nhãn hiệuFanewell,model:CTF-20,ĐA:220V/60Hz,CS:230W,đ/kính:200mm,c/liệu thép và nhôm. loại quạt hút giócong nghiệp,có lưới bảo vệ,dùngtrongnhàxưởng,NSX:2025,mới100%

Số lượng (1) 10 PCE

Số của mục khai khoản điều chỉnh Số lượng (2) 10 PCE

Trị giá hóa đơn 390 Đơn giá hóa đơn 39 USD PCE

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S) 10.128.300 VND Trị giá tính thuế(M) -

Số lượng tính thuế Đơn giá tính thuế 1.012.830 - VND - PCE

Thuế suất C 10% - Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuế 1.012.830 VND Nước xuất xứ CN - CHINA - B05

Số tiền miễn giảm VND Mã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu -

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB901
	Trị giá tính thuế	11.141.130	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	1.114.113	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **107368013762** Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 4 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 3926

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai HQHUUNGHI Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

Ngày đăng ký 21/07/2025 09:33:07 Ngày thay đổi đăng ký 21/07/2025 19:09:52 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<25>

Mã số hàng hóa 85098090 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Máy khuấy sữa,hiệu:Milkshake,model MS-1,có động cơ gắn liền, nguồnđiện220V/50Hz,công suất 180W,c/liệu thépkhông gỉ,KT (18,5*18,5*51)cm,dùng để khuấy sữa,trà,sử dụng trong nhà hàng,khách sạn,mới 100%

Số lượng (1) 100 PCE

Số của mục khai khoản điều chỉnh Số lượng (2) 100 PCE

Trị giá hóa đơn 1.000 Đơn giá hóa đơn 10 USD PCE

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S) 25.970.000 VND Trị giá tính thuế(M) -

Số lượng tính thuế Đơn giá tính thuế 259.700 - VND - PCE

Thuế suất C 5% - Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuế 1.298.500 VND Nước xuất xứ CN - CHINA - B05

Số tiền miễn giảm VND Mã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu -

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	27.268.500	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	2.726.850	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **107368013762** Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 4 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 3926

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai HQHUUNGHI Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

Ngày đăng ký 21/07/2025 09:33:07 Ngày thay đổi đăng ký 21/07/2025 19:09:52 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<26>

Mã số hàng hóa 85098090 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Máy khuấy sữa,hiệu:Milkshake,model ZLC-3 có động cơ gắn liền, nguồn điện220V/50Hz,công suất 280W,c/liệu thép không gỉ, KT:(26*24*55,5)cm dùng để khuấy sữa,trà,sử dụng trong nhà hàng,khách sạn,mới100%

Số lượng (1) 40 PCE

Số của mục khai khoản điều chỉnh Số lượng (2) 40 PCE

Trị giá hóa đơn 440 Đơn giá hóa đơn 11 USD PCE

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S) 11.426.800 VND Trị giá tính thuế(M) -

Số lượng tính thuế Đơn giá tính thuế 285.670 - VND - PCE

Thuế suất C 5% - Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuế 571.340 VND Nước xuất xứ CN - CHINA - B05

Số tiền miễn giảm VND Mã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu -

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	11.998.140	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	1.199.814	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQHUUNGHI		Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<27>

Mã số hàng hóa	94032090	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]
Mô tả hàng hóa	Khung giường gấp, ký hiệu: A-0715-3A, nguyên chiếc tháo rời, dùng trong gia đình,chất liệu bằng thép, kích thước (1.5x1.9)m+-10%,NSX:Yongkang Runda Leisure Products Co., Ltd.mới 100%.1pce=21kg		

		Số lượng (1)	3 PCE
Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (2)	3 PCE
Trị giá hóa đơn	72	Đơn giá hóa đơn	24 USD PCE
Thuế nhập khẩu			
Trị giá tính thuế(S)	1.869.840 VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	623.280 - VND - PCE
Thuế suất	C 5% -	Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	93.492 VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	–		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	1.963.332	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	196.333,2	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **107368013762** Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 4 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 3926

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai HQHUUNGHI Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

Ngày đăng ký 21/07/2025 09:33:07 Ngày thay đổi đăng ký 21/07/2025 19:09:52 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<28>

Mã số hàng hóa 39181019 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Thảm chùi chân, mã: 6050, ký hiệu: A-0715-51, KT: 1.2m x 24m, chất liệu bằng nhựa PVC dẻo, không có tên thương hiệu, dạng cuộn, dùng trong nhà hàng, khách sạn.mới 100%

Số lượng (1) 144 MTK

Số của mục khai khoản điều chỉnh Số lượng (2) 144 MTK

Trị giá hóa đơn 3.153,6 Đơn giá hóa đơn 21,9 USD MTK

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S) 81.898.992 VND Trị giá tính thuế(M) -

Số lượng tính thuế Đơn giá tính thuế 568.743 - VND - MTK

Thuế suất C 0% - Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuế VND Nước xuất xứ CN - CHINA - B05

Số tiền miễn giảm VND Mã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu -

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB245
	Trị giá tính thuế	81.898.992	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	6.551.919,36	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **107368013762** Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 4 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 3926

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai HQHUUNGHI Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

Ngày đăng ký 21/07/2025 09:33:07 Ngày thay đổi đăng ký 21/07/2025 19:09:52 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<29>

Mã số hàng hóa 57050099 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Thảm chùi chân 4000, ký hiệu: A-0715-51, KT:1.2-1.6mx18m,làm từ vật liệu dệt nhân tạo và sợi polyester tổng hợp, một mặt đã tráng phủ nhựa PVC,không hiệu,dạngcuộn,dùng trong nhà hàng,khách sạn.mới100%

Số lượng (1) 165 MTK

Số của mục khai khoản điều chỉnh Số lượng (2) 165 MTK

Trị giá hóa đơn 3.311,55 Đơn giá hóa đơn 20,07 USD MTK

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S) 86.000.953,5 VND Trị giá tính thuế(M) -

Số lượng tính thuế Đơn giá tính thuế 521.217,9 - VND - MTK

Thuế suất C 0% - Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuế VND Nước xuất xứ CN - CHINA - B05

Số tiền miễn giảm VND Mã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu -

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB245
	Trị giá tính thuế	86.000.953,5	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	6.880.076,28	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	HQHUUNGHI			Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<30>

Mã số hàng hóa	57050099	Mã quản lý riêng		Mã phân loại tái xác nhận giá	[ ]
Mô tả hàng hóa	Thảm chùi chân ni 2 sọc, ký hiệu: A-0715-51, KT: 40x60cm, dạng tấm, làm từ vật liệu dệt nhân tạo và sợi polyester tổng hợp, một mặt đã tráng phủ nhựa PVC, không hiệu, dùng trong gia đình, mới 100%				

				Số lượng (1)	100	PCE
Số của mục khai khoản điều chỉnh				Số lượng (2)	100	PCE
Trị giá hóa đơn	146			Đơn giá hóa đơn	1,46 USD	PCE
Thuế nhập khẩu						
Trị giá tính thuế(S)	3.791.620	VND		Trị giá tính thuế(M)	-	
Số lượng tính thuế				Đơn giá tính thuế	37.916,2 - VND -	PCE
Thuế suất	C 0% -			Mã áp dụng thuế tuyệt đối		
Số tiền thuế		VND		Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05	
Số tiền miễn giảm		VND		Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng						
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-					
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu						

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB245
	Trị giá tính thuế	3.791.620	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	303.329,6	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	HQHUUNGHI			Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<31>

Mã số hàng hóa	57050099	Mã quản lý riêng		Mã phân loại tái xác nhận giá	[ ]
Mô tả hàng hóa	Thảm chùi chân ni 2 sọc, ký hiệu: A-0715-51, KT: 50x70cm, dạng tấm, làm từ vật liệu dệt nhân tạo và sợi polyester tổng hợp, một mặt đã tráng phủ nhựa PVC, không hiệu, dùng trong gia đình, mới 100%				

				Số lượng (1)	100	PCE
Số của mục khai khoản điều chỉnh				Số lượng (2)	100	PCE
Trị giá hóa đơn	219			Đơn giá hóa đơn	2,19 USD	PCE
Thuế nhập khẩu						
Trị giá tính thuế(S)	5.687.430	VND		Trị giá tính thuế(M)	-	
Số lượng tính thuế				Đơn giá tính thuế	56.874,3 - VND -	PCE
Thuế suất	C 0% -			Mã áp dụng thuế tuyệt đối		
Số tiền thuế		VND		Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05	
Số tiền miễn giảm		VND		Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng						
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-					
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu						

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB245
	Trị giá tính thuế	5.687.430	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	454.994,4	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **107368013762** Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 4 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 3926

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai HQHUUNGHI Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

Ngày đăng ký 21/07/2025 09:33:07 Ngày thay đổi đăng ký 21/07/2025 19:09:52 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<32>

Mã số hàng hóa 57050099 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Thảm chùi chân ni 2 sọc, ký hiệu: A-0715-51, KT:1.2mx15m,dạng cuộn, làm từ vật liệu dệt nhân tạo và sợi polyester tổng hợp,một mặt đã tráng phủ nhựa PVC,không hiệu,dùng trong nhà hàng,kháchsạn,mới100%

Số lượng (1) 18 MTK

Số của mục khai khoản điều chỉnh Số lượng (2) 18 MTK

Trị giá hóa đơn 98,46 Đơn giá hóa đơn 5,47 USD MTK

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S) 2.557.006,2 VND Trị giá tính thuế(M) -

Số lượng tính thuế Đơn giá tính thuế 142.055,9 - VND - MTK

Thuế suất C 0% - Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuế VND Nước xuất xứ CN - CHINA - B05

Số tiền miễn giảm VND Mã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu -

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB245
	Trị giá tính thuế	2.557.006,2	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	204.560,496	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	**107368013762**	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	HQHUUNGHI			Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<33>

Mã số hàng hóa	39181019	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]
Mô tả hàng hóa	Thảm nhựa chống trơn PVC, ký hiệu: A-0715-51 , KT: 1.2mx9m, dạng cuộn, làm từ vật liệu dệt nhân tạo và sợi polyester tổng hợp, một mặt đã tráng phủ nhựa PVC, không hiệu, dùng trong gia đình, mới 100%		

				Số lượng (1)	11 MTK
Số của mục khai khoản điều chỉnh				Số lượng (2)	11 MTK
Trị giá hóa đơn	50,16			Đơn giá hóa đơn	4,56 USD MTK
Thuế nhập khẩu					
Trị giá tính thuế(S)	1.302.655,2	VND		Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế				Đơn giá tính thuế	118.423,2 - VND - MTK
Thuế suất	C 0% -			Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế		VND		Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm		VND		Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-				
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu					

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB245
	Trị giá tính thuế	1.302.655,2	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	104.212,416	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	HQHUUNGHI			Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<34>

Mã số hàng hóa	40169999	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]
Mô tả hàng hóa	Viền bo dùng trong gia công thảm trải sàn,ký hiệu:A-0715-51,c/liệu bằng caosu lưu hóa không xốp(không phải cao su cứng),KT:tiết diện4 cm,dài3m,không hiệu,NSX:GUANGZHOUKAQIDUNAUTOACCESSORIESCO.,mới100%		

				Số lượng (1)	10 ROL
Số của mục khai khoản điều chỉnh				Số lượng (2)	230 KGM
Trị giá hóa đơn	1.277,6			Đơn giá hóa đơn	127,76 USD ROL
Thuế nhập khẩu					
Trị giá tính thuế(S)	33.179.272	VND		Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế				Đơn giá tính thuế	3.317.927,2 - VND - ROL
Thuế suất	C 0% -			Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế		VND		Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm		VND		Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	–				
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu					

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB245
	Trị giá tính thuế	33.179.272	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	2.654.341,76	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **107368013762** Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 4 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 3926

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai HQHUUNGHI Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

Ngày đăng ký 21/07/2025 09:33:07 Ngày thay đổi đăng ký 21/07/2025 19:09:52 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<35>

Mã số hàng hóa 76169990 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Giá đỡ điện thoại,mã:D91,loại để bàn chất liệu:hợp kim nhôm+nhựa ABS(nhôm là chính),KT:độcao:22-33cm,mặt đáy:13x12x1.7cm,phù hợp với điện thoại 4-6.5inch,NSX:ShenzhenJianshuoTechnology Co.,Ltd.Mới100%

Số lượng (1) 200 PCE

Số của mục khai khoản điều chỉnh Số lượng (2) 69 KGM

Trị giá hóa đơn 200 Đơn giá hóa đơn 1 USD PCE

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S) 5.194.000 VND Trị giá tính thuế(M) -

Số lượng tính thuế Đơn giá tính thuế 25.970 - VND - PCE

Thuế suất C 0% - Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuế VND Nước xuất xứ CN - CHINA - B05

Số tiền miễn giảm VND Mã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu -

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	5.194.000	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	519.400	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQHUUNGHI		Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<36>

Mã số hàng hóa	42021190	Mã quản lý riêng		Mã phân loại tái xác nhận giá	[ ]
Mô tả hàng hóa	Balo đeo vai dùng cho học sinh, ký hiệu: A-0715-2A, mặt ngoài bằng da thuộc tổng hợp,mặt trong bằng vải polyester, khoá kéo kim loại, không hiệu, kt:(47*32*27)cm+/-10%,Mới 100%				

				Số lượng (1)	65	PCE
Số của mục khai khoản điều chỉnh				Số lượng (2)	65	PCE
Trị giá hóa đơn	65,65			Đơn giá hóa đơn	1,01 USD	PCE
Thuế nhập khẩu						
Trị giá tính thuế(S)	1.704.930,5	VND		Trị giá tính thuế(M)	-	
Số lượng tính thuế				Đơn giá tính thuế	26.229,7 - VND -	PCE
Thuế suất	C 0% -			Mã áp dụng thuế tuyệt đối		
Số tiền thuế		VND		Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05	
Số tiền miễn giảm		VND		Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng						
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-					
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu						

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB245
	Trị giá tính thuế	1.704.930,5	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	136.394,44	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQHUUNGHI		Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<37>

Mã số hàng hóa	96039090	Mã quản lý riêng		Mã phân loại tái xác nhận giá	[ ]
Mô tả hàng hóa	Bộ chổi vệ sinh đa năng 7in1, ký hiệu: A-0715-7, chất liệu bằng nhựa ABS, kt:15x4x6cm, dùng trong vệ sinh laptop,bàn phím máy tính, nsx:Longgang Shige Daily Necessities Factory,không dùng điện,mới100%				

				Số lượng (1)	1.000 SET
Số của mục khai khoản điều chỉnh				Số lượng (2)	71 KGM
Trị giá hóa đơn	100			Đơn giá hóa đơn	0,1 USD SET
Thuế nhập khẩu					
Trị giá tính thuế(S)	2.597.000	VND		Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế				Đơn giá tính thuế	2.597 - VND - SET
Thuế suất	C 0% -			Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế		VND		Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm		VND		Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-				
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu					

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB245
	Trị giá tính thuế	2.597.000	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	207.760	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQHUUNGHI		Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<38>

Mã số hàng hóa	76169990	Mã quản lý riêng		Mã phân loại tái xác nhận giá	[ ]
Mô tả hàng hóa	Giá đỡ máy tính bảng TXP, ký hiệu: A-0715-1, chất liệu : hợp kim nhôm, loại để bàn,chức năng:xoay 360 độ, điều chỉnh góc độ, kt 9cm*5cm*13cm,NSX:ShenzhenChangxiangBroadcomTechnologyCo.,Ltd.Mới100%				

				Số lượng (1)	48 PCE
Số của mục khai khoản điều chỉnh				Số lượng (2)	9 KGM
Trị giá hóa đơn	31,2			Đơn giá hóa đơn	0,65 USD PCE
Thuế nhập khẩu					
Trị giá tính thuế(S)	810.264	VND		Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế				Đơn giá tính thuế	16.880,5 - VND - PCE
Thuế suất	C 0% -			Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế		VND		Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm		VND		Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-				
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu					

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB901
	Trị giá tính thuế	810.264	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	81.026,4	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQHUUNGHI		Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<39>

Mã số hàng hóa	39269099	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]
Mô tả hàng hóa	Biển cảnh báo, ký hiệu: A-0715-4C, chất liệu bằng nhựa PP, dùng để cảnh báo, không chiếu sáng, kích thước (42x38.2*3,5)cm+-10%, không hiệu, NSX:NahangDepartmentof CommerceandIndustry, mới 100%		

		Số lượng (1)	220 PCE
Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (2)	50 KGM
Trị giá hóa đơn	127,6	Đơn giá hóa đơn	0,58 USD PCE
Thuế nhập khẩu			
Trị giá tính thuế(S)	3.313.772 VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	15.062,6 - VND - PCE
Thuế suất	C 0% -	Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB245
	Trị giá tính thuế	3.313.772	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	265.101,76	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQHUUNGHI		Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<40>

Mã số hàng hóa	84433290	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]
Mô tả hàng hóa	Máy in hóa đơn,nhãnhiệu:Puty PT,model:PT-50DC,loại in đen trắng,cầm tay,không có chức năng photo(dùng để in hóa đơn,khổ giấy 79.5mm,cổng kết nối USB+RS232+LAN),DC: 9V/1A,kt(112x83x54)mm,mới100%		

			Số lượng (1)	30	PCE
Số của mục khai khoản điều chỉnh			Số lượng (2)	30	PCE
Trị giá hóa đơn	1.204,5		Đơn giá hóa đơn	40,15 USD	PCE
Thuế nhập khẩu					
Trị giá tính thuế(S)	31.280.865	VND	Trị giá tính thuế(M)	-	
Số lượng tính thuế			Đơn giá tính thuế	1.042.695,5 - VND -	PCE
Thuế suất	C 0% -		Mã áp dụng thuế tuyệt đối		
Số tiền thuế		VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05	
Số tiền miễn giảm		VND	Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	–				
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu					

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB901
	Trị giá tính thuế	31.280.865	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	3.128.086,5	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	HQHUUNGHI			Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<41>

Mã số hàng hóa 84433290 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Máy in hóa đơn,nhãn hiệu: Puty PT, model: PT-82DC,loại in đen trắng, cầm tay, không có chức năng photo (dùng để in hóa đơn,khổ giấy 79.5mm,cổng kết nối USB+RS232+LAN),DC: 9V/1A,kt(112x83x54)mm,mới100%

				Số lượng (1)	20 PCE
Số của mục khai khoản điều chỉnh				Số lượng (2)	20 PCE
Trị giá hóa đơn	1.095			Đơn giá hóa đơn	54,75 USD PCE
Thuế nhập khẩu					
Trị giá tính thuế(S)	28.437.150	VND		Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế				Đơn giá tính thuế	1.421.857,5 - VND - PCE
Thuế suất	C 0% -			Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế		VND		Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm		VND		Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-				
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu					

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB901
	Trị giá tính thuế	28.437.150	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	2.843.715	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQHUUNGHI		Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<42>

Mã số hàng hóa 39269099 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Dây nhựa, ký hiệu: A-0716-350, dạng cuộn, chất liệu nhựa PET rắn, KT: đường kính: 2.5mmx dài 1500m, dùng treo, buộc cây trồng trong nhà kính, nsx Zhishi Intelligent Technology Co.,Ltd, mới 100%

		Số lượng (1)	260 ROL
Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (2)	2.400 KGM
Trị giá hóa đơn	2.860	Đơn giá hóa đơn	11 USD ROL
Thuế nhập khẩu			
Trị giá tính thuế(S)	74.274.200 VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	285.670 - VND - ROL
Thuế suất	C 0% -	Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB245
	Trị giá tính thuế	74.274.200	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	5.941.936	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQHUUNGHI		Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<43>

Mã số hàng hóa	39269099	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]
Mô tả hàng hóa	Dây nhựa, ký hiệu: A-0716-350, dạng cuộn, chất liệu nhựa PET rắn, KT: đường kính: 3.0mmx dài 1000m, dùng treo, buộc cây trồng trong nhà kính, nsx Zhishi Intelligent Technology Co.,Ltd, mới 100%		

		Số lượng (1)	340 ROL
Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (2)	3.000 KGM
Trị giá hóa đơn	3.740	Đơn giá hóa đơn	11 USD ROL
Thuế nhập khẩu			
Trị giá tính thuế(S)	97.127.800 VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	285.670 - VND - ROL
Thuế suất	C 0% -	Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB245
	Trị giá tính thuế	97.127.800	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	7.770.224	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **107368013762** Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 4 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 3926

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai HQHUUNGHI Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

Ngày đăng ký 21/07/2025 09:33:07 Ngày thay đổi đăng ký 21/07/2025 19:09:52 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<44>

Mã số hàng hóa 39269099 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Dây nhựa, ký hiệu: A-0716-350, dạng cuộn, chất liệu nhựa PET rắn, KT: đường kính: 3.5mmx dài 750m, dùng treo, buộc cây trồng trong nhà kính, nsx Zhishi Intelligent Technology Co.,Ltd, mới 100%

Số của mục khai khoản điều chỉnh

Trị giá hóa đơn 1.100

Số lượng (1) 100 ROL

Số lượng (2) 900 KGM

Đơn giá hóa đơn 11 USD ROL

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S) 28.567.000 VND

Số lượng tính thuế

Thuế suất C 0% -

Số tiền thuế VND

Số tiền miễn giảm VND

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu -

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(M) -

Đơn giá tính thuế 285.670 - VND - ROL

Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Nước xuất xứ CN - CHINA - B05

Mã ngoài hạn ngạch

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB245
	Trị giá tính thuế	28.567.000	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	2.285.360	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	HQHUUNGHI			Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<45>

Mã số hàng hóa	64041990	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]
Mô tả hàng hóa	Giày nam, mã: AG0324,ký hiệu: X-0716-10, chất liệu mũ giày bằng vải dệt, đế bằng nhựa PVC, size 39-44, NSX: Ruian Jiasheng Shoes Co., Ltd.không có tên thương hiệu, Mới 100%.		

		Số lượng (1)	300 PR
Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (2)	300 PR
Trị giá hóa đơn	750	Đơn giá hóa đơn	2,5 USD PR
Thuế nhập khẩu			
Trị giá tính thuế(S)	19.477.500 VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	64.925 - VND - PR
Thuế suất	C 0% -	Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB245
	Trị giá tính thuế	19.477.500	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	1.558.200	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQHUUNGHI		Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<46>

Mã số hàng hóa 84807190 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Khuôn đúc nhựa kiểu nén,ký hiệu:X-0716-B1B,Mã NBT-34,c/liệu thép không gỉ,kt khuôn:(27,5 x 24,5 x 21)cm,dùng đểđúcchainhựac/liệuPET,NSX:GuangxiHongfaHeavyMachinery Co.,LTD,khônghiệu,mới100%.1set=1pce

Số lượng (1) 1 SET

Số của mục khai khoản điều chỉnh

Số lượng (2) 1 PCE

Trị giá hóa đơn 80

Đơn giá hóa đơn 80 USD SET

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S)	2.077.600	VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế			Đơn giá tính thuế	2.077.600 - VND - SET
Thuế suất	C 0% -		Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế		VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm		VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng				
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	–			

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB901
	Trị giá tính thuế	2.077.600	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	207.760	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107368013762	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3926
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQHUUNGHI		Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	21/07/2025 09:33:07	Ngày thay đổi đăng ký	21/07/2025 19:09:52	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<47>

Mã số hàng hóa 83089090 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Mặt khóa thắt lưng (không có dâylung), ký hiệu: X-0716-9,chất liệu bằng thép không gỉ, KT(rộng 4cm x dài8cm)+/-10%. NSX:Foshan Wintace Hardware Plastic Co., Ltd. Mới 100%.

Số lượng (1) 2.540 PCE

Số của mục khai khoản điều chỉnh

Số lượng (2) 193,05 KGM

Trị giá hóa đơn 431,8

Đơn giá hóa đơn 0,17 USD PCE

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S) 11.213.846 VND

Trị giá tính thuế(M) -

Số lượng tính thuế

Đơn giá tính thuế 4.414,9 - VND - PCE

Thuế suất C 0% -

Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuế VND

Nước xuất xứ CN - CHINA - B05

Số tiền miễn giảm VND

Mã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu -

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	11.213.846	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	1.121.384,6	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **107368013762** Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 4 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 3926

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai HQHUUNGHI Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

Ngày đăng ký 21/07/2025 09:33:07 Ngày thay đổi đăng ký 21/07/2025 19:09:52 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<48>

Mã số hàng hóa 94013900 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Ghế văn phòng, mã: AM 2015A,ký hiệu: A-0716-55,có xoay,có bánh xe,có nâng hạ,khung,chân bằng nhôm,chỗ ngồi bọc da PUnhồi đệmxốp,kt(77*65*128-134)cm,chiềucaotừ đất lên mặttrên ghế khinânghạ46cm.Mới100%

Số lượng (1) 4 PCE

Số của mục khai khoản điều chỉnh Số lượng (2) 4 PCE

Trị giá hóa đơn 72 Đơn giá hóa đơn 18 USD PCE

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S) 1.869.840 VND Trị giá tính thuế(M) -

Số lượng tính thuế Đơn giá tính thuế 467.460 - VND - PCE

Thuế suất C 5% - Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuế 93.492 VND Nước xuất xứ CN - CHINA - B05

Số tiền miễn giảm VND Mã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu -

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế CBPG		Mã áp dụng thuế suất G150
	Trị giá tính thuế	1.869.840	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	21,40%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	400.145,76	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	2.363.477,76	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	236.347,776	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **107368013762** Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 4 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 3926

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai HQHUUNGHI Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

Ngày đăng ký 21/07/2025 09:33:07 Ngày thay đổi đăng ký 21/07/2025 19:09:52 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<49>

Mã số hàng hóa 94013900 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Ghế văn phòng, mã: AM 2015B,ký hiệu:A-0716-55,cóxoay,có bánh xe,có nâng hạ,khung,chân bằng nhôm,chỗngồibọc daPUnhồi đệmxốp,kt(77*65*109.5-116)cm,chiềucao từ đất lên mặt trên ghế khi nânghạ46cm.Mới100%

Số lượng (1) 49 PCE

Số của mục khai khoản điều chỉnh Số lượng (2) 49 PCE

Trị giá hóa đơn 882 Đơn giá hóa đơn 18 USD PCE

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S) 22.905.540 VND Trị giá tính thuế(M) -

Số lượng tính thuế Đơn giá tính thuế 467.460 - VND - PCE

Thuế suất C 5% - Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuế 1.145.277 VND Nước xuất xứ CN - CHINA - B05

Số tiền miễn giảm VND Mã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu -

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế CBPG		Mã áp dụng thuế suất	G150
	Trị giá tính thuế	22.905.540	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	21,40%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	4.901.785,56	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB901
	Trị giá tính thuế	28.952.602,56	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	2.895.260,256	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **107368013762** Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 4 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 3926

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai HQHUUNGHI Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

Ngày đăng ký 21/07/2025 09:33:07 Ngày thay đổi đăng ký 21/07/2025 19:09:52 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<50>

Mã số hàng hóa 94017100 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá [ ]

Mô tả hàng hóa Ghế phòng chờ,mã: 3292,ký hiệu: A-0716-55,khung chân bằng hợp kim thép,đã được bọc da PU nhồi đệm xốp,không xoay,không nâng hạ,kt (50*48*80)cm,chiều cao từ mặt đất lên chỗ ngồi 44cm,mới100%

Số của mục khai khoản điều chỉnh

Số lượng (1) 4 PCE

Số lượng (2) 4 PCE

Trị giá hóa đơn 72

Đơn giá hóa đơn 18 USD PCE

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S) 1.869.840 VND

Trị giá tính thuế(M) -

Số lượng tính thuế

Đơn giá tính thuế 467.460 - VND - PCE

Thuế suất C 0% -

Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuế VND

Nước xuất xứ CN - CHINA - B05

Số tiền miễn giảm VND

Mã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu -

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế CBPG		Mã áp dụng thuế suất G150
	Trị giá tính thuế	1.869.840	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	GK HANG HOA THUOC DOI TUONG KHONG CHIU THUE CHONG BAN PHA GIA
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	1.869.840	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	186.984	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	